TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2024/DS-ST
Ngày : 26.4.2024
V/v: *"Tranh chấp đòi tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đỗ Đức Lâm**
2. Bà **Hồ Thị Hồng Liên**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Lĩnh**- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 243/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh ngày 1978. Địa chỉ: Thôn 8, xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Lệ X,** sinh năm 1986
Địa chỉ: Xóm 4, thôn 8, xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn 7, xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Bà N, ông B có mặt, bà X vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà N trình bày:

Bà N không có mối quan hệ anh em, họ hàng với bà X, quen biết nhau do ở cùng thôn xóm. Do tin tưởng nên bà N có cho bà X vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

Ngày 09/5/2019 cho vay 30.000.000 đồng, bà N giao tiền trực tiếp tại nhà bà X, bà X có viết giấy vay tiền, ký, ghi họ tên "Nguyễn Thị Lệ X", lãi thỏa thuận

4%/tháng, lãi trả hàng tháng, tiền gốc đến ngày 31/12/2019 trả. Bà X trả cho bà N được 02 tháng tiền lãi là 2.400.000 đồng, còn gốc không trả.

Ngày 05/6/2019 cho vay 200.000.000 đồng, có ông Nguyễn Văn B cùng xã và con gái bà N làm chứng. Khi vay ông B là người viết giùm gấy vay tiền, bà X nhận tiền, ký, ghi họ tên "Nguyễn Thị Lệ X" tại nhà bà X, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, lãi trả hàng tháng, gốc đến ngày 31/12/2019 sẽ trả. Khoản vay này bà X đã trả lãi đến ngày 08/10/2019 (04 tháng) là 32.000.000 đồng còn gốc chưa trả.

Ngày 08/10/2019 cho vay 30.000.000 đồng, có ông Nguyễn Văn B làm chứng. Ông B viết giùm giấy vay tiền, bà X nhận tiền, ký, ghi họ tên " Nguyễn Thị Lệ X". Bà N giao tiền cho bà X tại quán cà phê bờ hồ Bảo Lộc, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, lãi trả hàng tháng, thời hạn vay 12 tháng trả gốc. Khoản vay này bà X không trả gốc và lãi.

Tổng 03 lần bà N cho bà X vay số tiền 260.000.000 đồng, lãi bà X trả được 34.400.000 đồng, còn gốc không trả. Nay đã quá 03 năm kể từ ngày hết thời hạn trả nợ bà N mới khởi kiện nên chỉ yêu cầu bà X trả nợ số tiền gốc đã vay là 260.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Về lãi bà X trả cho bà N tuy vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật (20%/năm) tuy nhiên số tiền lãi bà X trả cho bà N không vượt quá số tiền lãi bà X phải trả nên bà N không yêu cầu tính lại tiền lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc về nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 21/02/2024 nhưng không được vì nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, trình bày bổ sung đối với khoản vay ngày 09/5/2019 thì bà X trả lãi được 05 tháng x 1.200.000 đồng/tháng là 6.000.000 đồng, khoản vay ngày 08/10/2019 thì thời hạn trả là cuối năm 2019 trả như hai khoản vay trước, do ông B ghi nhầm thời hạn trả. Người làm chứng ông B cũng thừa nhận hai bên thỏa thuận cả ba khoản vay đều cuối năm 2019 trả gốc. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 260.000.000 đồng. Về án phí đề nghị buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ X để yêu cầu trả các khoản vay tiền vào các ngày 09/5/2019, ngày 05/6/2019 thời hạn vay đều hẹn cuối năm 2019 trả, và khoản vay ngày 08/10/2019 sau 12 tháng sẽ trả. Tuy nhiên đến ngày 01/11/2023 bà N mới nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm để yêu cầu giải quyết. Nay bà N yêu cầu bà X trả tiền gốc, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là *"Kiện đòi tài sản"* được quy định tại khoản 1 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn, căn cứ vào toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng:

Bà Nguyễn Thị N thừa nhận không có mối quan hệ họ hàng, anh em với bà X, hai bên có quen biết nhau, do tin tưởng nên có phát sinh quan hệ cho vay tiền, cụ thể như sau:

Tại một quyển vở học sinh kẻ ô ly hiệu "Hải Tiến" do bà N nộp tại Tòa án được đánh số thứ tự A1, A2, A3, A4, A5, A6 có thể hiện các nội dung bà N cho bà Nguyễn Thị Lê Xuân vay tiền, cụ thể như sau:

Tại số thứ tự A1, A2 là "giấy cho vay tiền" viết tay ngày 05/6/2019 thể hiện: Bà Nguyễn Thị N có cho bà Nguyễn Thị Lệ X vay số tiền 200.000.000 đồng. Người làm chứng là ông Nguyễn Văn B, bà Phạm Thị Phương Uyên. Bà X ký, ghi họ tên người vay tiền là "Nguyễn Thị Lệ X", bà N trình bày giấy vay tiền do ông B viết giùm. Tại phiên tòa ông B thừa nhận là người viết giấy vay. Trong giấy vay có ghi hạn trả nợ gốc là cuối năm 2019 trả, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, lãi bà X phải trả hàng tháng. Bà N thừa nhận bà X trả được 04 tháng tiền lãi với số tiền là 32.000.000 đồng, việc trả lãi không có giấy tờ gì, còn tiền gốc chưa trả.

Tại số thứ tự A3 là "giấy vay tiền" viết tay ngày 09/5/2019 thể hiện: Bà Nguyễn Thị N có cho bà Nguyễn Thị Lệ X vay số tiền 30.000.000 đồng. Bà X ký, ghi họ tên người vay tiền là "Nguyễn Thị Lệ X", bà N trình bày giấy vay tiền do bà X tự viết. Trong giấy vay có ghi hạn trả nợ gốc là cuối năm 2019 trả, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, lãi bà X phải trả hàng tháng. Tại số thứ tự A4 (mặt sau gấy vay) có thể hiện nội dung bà X trả lãi khoản này đến ngày 09/7/2019. Tuy nhiên bà N thừa nhận bà X trả được 05 tháng tiền lãi với số tiền là 6.000.000 đồng, việc trả lãi không có giấy tờ gì, còn tiền gốc chưa trả.

Tại số thứ tự A5, A6 là "giấy vay tiền" viết tay ngày 08/10/2019 thể hiện: Bà Nguyễn Thị N có cho bà Nguyễn Thị Lệ X vay số tiền 30.000.000 đồng. Người làm chứng là ông Nguyễn Văn B. Bà X ký, ghi họ tên người vay tiền là "Nguyễn Thị Lệ X", bà N trình bày giấy vay tiền do ông B viết giùm, tại phiên tòa ông B có mặt thừa nhận là người viết giấy vay. Trong giấy vay có ghi hạn trả nợ gốc là 12 tháng kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, lãi bà X phải trả hàng tháng. Bà N trình bày thời hạn vay chỉ đến cuối năm 2019 nhưng do ông B hiểu và ghi nhầm. Ông B thừa nhận hai bên có thỏa thuận cả 03 khoản vay đều trả gốc vào cuối năm 2019. Bà N trình bày khoản vay này đến nay bà X không trả gốc và lãi.

Như vậy sự việc bà N cho bà X vay tiền là có thật. Bà X có thực hiện trả lãi cho bà N là có thật và được bà N thừa nhận. Tổng số tiền gốc bà N cho bà X vay là 260.000.000 đồng. Tuy nhiên tính đến thời điểm khởi kiện thì số nợ trên đã quá thời hạn trả gốc nhưng bà X không thực trả nợ cho bà N. Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ X được triệu tập hợp lệ đến làm việc nhưng đều vắng mặt, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện là đã trả nợ cho bà N.Vì vậy việc bà N khởi kiện để yêu cầu bà X trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

Xét lãi suất thỏa thuận trong các giấy vay là (4%) cao so với quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà X mới trả được cho bà N tổng số tiền lãi là 38.000.000 đồng, còn lại không trả. Theo lãi suất quy định tại Điều 648 BLDS2015 (lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm) thì số tiền lãi bà X trả cho bà N chưa vượt quá tiền lãi bà X buộc phải trả cho bà N theo thời hạn vay, bà N không yêu cầu tính lại lãi nên cần xem xét, chấp nhận.

Do hết thời hạn cho vay theo thỏa thuận khi cho vay, đến thời điểm bà N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vay đã hết nên bà N chỉ yêu cầu bà X trả nợ gốc, không yêu cầu tính lãi nên cần xem xét, chấp nhận.

Vì vậy cần buộc bà Nguyễn Thị Lệ X phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền gốc đã vay là 260.000.000 đồng.

Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn bà X phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 13.000.000 đồng (260.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 163, 166, 275, 461 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Nguyễn Thị Lệ X về việc "*Tranh chấp đòi tài sản".*

Buộc bà Nguyễn Thị Lệ X phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 260.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Lệ X phải nộp 13.00.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 10.977.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thi tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006696 ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy